

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 29-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tân và ông Lê Văn Biên.
- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 42/2024/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/HSST-QĐXX ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1974, tại huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Khối T, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10.

Họ tên cha: Nguyễn Văn Đ; Đã chết.

Họ tên mẹ: Ngô Thị P; Đã chết.

Anh chị em ruột: Gia đình có 06 người, bị cáo là con thứ sáu.

Chồng: Trần Đình H1, sinh năm 1971;

Con: Bị cáo có 2 con, con lớn nhất 30 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/4/2024 đến ngày 30/4/2024 (Có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H2. Sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn G, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Đình H1, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối T, phường Q, thị xã H, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H là người lao động tự do, không có công việc làm ổn định, không thuộc bộ phận tuyển dụng nhân sự của công ty nào trong Khu công nghiệp H tại thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vào khoảng giữa năm 2023, Nguyễn Thị H nghe thông tin một số công ty trong Khu công nghiệp H tại thị xã H, tỉnh Nghệ An chuẩn bị đi vào hoạt động và đang có nhu cầu tuyển nhân viên. Do đang có nhiều khoản nợ nên H đã nảy sinh ý định lừa đảo những người có nhu cầu xin việc vào các công ty tại khu công nghiệp H I rồi chiếm đoạt số tiền đặt cọc của những người trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Để tạo sự tin tưởng cho người khác, từ ngày 04/9/2023 đến ngày 17/3/2024, H đã sử dụng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng vàng, bên trong có thẻ sim số 0379.344.227 của chồng là Trần Đình H1 đăng nhập vào tài khoản mạng xã hội Facebook "Ng Hau" của mình rồi đăng tải các thông tin tuyển dụng nhân viên tạp vụ và bảo vệ cho công ty G và công ty H3 thuộc khu công nghiệp H I. Sau khi đọc thông tin do H đăng tải trên mạng xã hội Facebook, có nhiều người đã liên lạc, gặp gỡ với H để xin việc làm. H giới thiệu mình có những mối quan hệ quen biết có thể xin giúp cho mọi người làm ở khu công nghiệp rồi yêu cầu mọi người làm hồ sơ xin việc và đóng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) đặt cọc may áo quần.

Vào khoảng tháng 01/2024, chị Nguyễn Thị H2 dxc nghe thông tin về việc H có thể xin được việc làm nhân viên tạp vụ, bảo vệ cho các công ty thuộc khu công nghiệp H I nên đã liên lạc và trực tiếp đến nhà H để đặt vấn đề xin việc. Tại đây, H nói với chị H2 về việc, H có quen biết giám đốc công ty giày da tại khu công nghiệp H và biết hiện tại công ty đang thiếu nhân viên tạp vụ, bảo vệ với mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Lúc này, chị H2 có ý định muốn xin làm nhân viên tạp vụ và muốn xin cho chồng là Lê Thạc T, sinh năm 1973, trú tại thôn G, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An thì H hứa hẹn sẽ giúp chị H2 và chồng H2 xin được việc. H bảo H2 phải làm hồ sơ xin việc, đồng thời phải đóng tiền quần áo để đi làm ở công ty, số tiền 1.200.000 đồng/người, tổng số tiền H2 phải đóng cho H là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm triệu đồng) cho chị H2 và chồng của chị H2 thì chị H2 đồng ý.

Ngày 12/01/2024, chị H2 sử dụng tài khoản ngân hàng B, số tài khoản 6720248066 của H2, chuyển khoản số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) đến tài khoản ngân hàng V, số tài khoản 106006259390 của H. Sau khi nhận tiền, H bảo chị H2 tự nộp hồ sơ xin việc của H2 và chồng tại công ty G1 và hứa hẹn đến ngày 29/2/2024 (tức 20/1/2024 Âm lịch) chị H2 và chồng sẽ được nhận vào làm việc. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền, H không có hành động nào để xin việc cho chị H2 và chồng như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền 2.400.000 đồng nhận từ chị H2

tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 29/2/2024, do không được thông báo về việc được nhận vào làm việc tại công ty như H hứa hẹn nên chị H2 liên lạc với H thì H tiếp tục hứa hẹn đến ngày 06/3/2024, chị H2 và chồng sẽ được nhận vào làm việc. Tuy nhiên sau đó chị H2 và chồng vẫn không được nhận vào làm việc.

Sau nhiều lần được H hứa hẹn nhưng không được nhận vào làm việc tại công ty G1, chị H2 tìm hiểu và biết được H không có nhiệm vụ, quyền hạn trong tuyển dụng nhân viên cho công ty trên. Vì vậy, chị H2 biết mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đến ngày 21/4/2024, chị H2 đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã H trình báo về nội dung sự việc trên. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thị xã H đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị H. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS-HM ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H2 đã được bị cáo trả lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét.

Về án phí bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa hôm nay có căn cứ kết luận:

Nguyễn Thị H mặc dù không phải là nhân viên thuộc bộ phận tuyển dụng nhân sự của công ty nào thuộc khu công nghiệp H tại thị xã H, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên

vào ngày 12/01/2024, thông qua việc hứa hẹn xin việc làm, Nguyễn Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H2 số tiền 2.400.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra quá trình điều tra Nguyễn Thị H còn khai nhận các hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng của 15 người khác. Mặc dù các hành vi lừa đảo đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng cũng thể hiện hành vi coi thường pháp luật đối với bị cáo. Do đó để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Đáng ra cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình sự đó là: Người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mẹ chồng bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo số tiền phạm tội không lớn, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, mức hình phạt như đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung tuy nhiên xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với việc bị cáo Nguyễn Thị H có các hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng của 15 người khác. Tuy nhiên bị cáo chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này cũng như các hành vi về xâm phạm sở hữu, đồng thời, các hành vi trên không có tính liên tục, kế tiếp về mặt thời gian, số tiền chiếm đoạt của mỗi người chưa đến 2.000.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại nhận đủ các tài sản

đã mất không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu T, số IMEI 1: 354860892124511, số IMEI 2: 254860892173310, bên trong có thẻ sim số 0379.344.227, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng đây là tài sản hợp pháp của ông Trần Đình H1, việc bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội ông H1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã được trả lại cho ông Trần Đình H1 là đúng quy định của pháp luật.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điều 65 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2024). về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000® (Hai trăm ngàn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Sở Tư pháp;
- CA thị xã Hoàng Mai;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Huy